ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 2403/QĐ-UBND	*Vạn Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 2 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 11 về kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 2 năm 2023, gồm có 3 biểu đính kèm (Biểu số 93/CK-NSNN, biểu số 94/CK-NSNN, biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND, Phòng TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đàm Ngọc Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2403 ngày 06 / 7 /2023 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023		Thực hiện Quý 2	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**192.000**	**192.000**	**367.892**	**33,74**	**141,23**
I	**Thu cân đối NSNN**	**192.000**	**192.000**	**64.788**	**33,74**	**54,75**
1	Thu nội địa	192.000	192.000	64.788	33,74	54,75
2	Thu viện trợ					
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**303.104**		**213,24**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**628.753**	**628.753**	**301.816**	**48,00**	**100,88**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**628.753**	**628.753**	**301.816**	**48,00**	**100,88**
1	Chi đầu tư phát triển	103.104	103.104	59.301	57,52	77,06
2	Chi thường xuyên	513.321	513.321	242.515	47,24	109,13
3	Dự phòng ngân sách	12.328	12.328			
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL		0			
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**					

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2403 ngày 06 /7/2023 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023		Thực hiện quý 2/2023	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**192.000**	**192.000**	**64.788**	**33,74**	**118.343**	**54,75**
I	**Thu nội địa**	**192.000**	**192.000**	**64.788**	**33,74**	**118.343**	**54,75**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	550	550	457		135	338,52
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	40.000	40.000	20.052	50,13	24.241	82,72
3.1	- Thuế giá trị gia tăng	33.050	33.050	15.203	46,00	19.121	79,51
3.2	- Thuế TNDN	3.700	3.700	2.447	66,14	2.247	108,90
3.3	- Thuế TTĐB	250	250	107	42,80	116	92,24
3.4	- Thuế tài nguyên	3.000	3.000	2.295	76,50	2.757	83,24
3.5	- Thuế môn bài	-	-				
3.6	- Thu khác	-	-				
4	Thuế thu nhập cá nhân	38.190	38.190	11.126	29,13	37.683	29,53
5	Thuế bảo vệ môi trường		-				
6	Lệ phí trước bạ	34.700	34.700	11.337	32,67	20.895	54,26
7	Thu phí, lệ phí	5.000	5.000	3.263	65,26	3.348	97,46
7.1	*- Trung ương*	*1.000*	1.000	*564*		*349*	*161,60*
7.2	*- Tỉnh*	-	-	*13*		*981*	*1,33*
7.3	*- Huyện*	*3.000*	3.000	*2.309*	*76,97*	*806*	*286,48*
7.4	*- Xã*	*1.000*	1.000	*377*	*37,70*	*1.212*	*31,11*
8	Các khoản thu về nhà, đất	60.060	60.060	11.739	19,55	26.238	44,74
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	-	-				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*60*	60	*51*	85,00	*36*	141,67
-	*Thuế chuyển quyền sử dụng đất*						
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*60.000*	60.000	*11.688*	*19,48*	*22.645*	*51,61*
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	-	-	-		*562*	
-	*Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*	-	-	-		*2.995*	
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*		-				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-				
10	Thu khác ngân sách	9.000	9.000	5.029	55,88	3.254	154,55
-	*Cấp TW*	*3.500*	3.500	*3.371*	*96,31*	*1.295*	*260,31*
-	*Cấp tỉnh*	*800*	800	*87*	*10,88*	*136*	*63,97*
-	*Cấp huyện*	*1.600*	1.600	*461*	*28,81*	*410*	*112,44*
-	*Cấp xã*	*3.100*	3.100	*1.110*	*35,81*	*1.413*	*78,56*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023		Thực hiện quý 2/2023	So sánh ước thực hiện với (%)		
		TỈnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.500	4.500	*1.785*		2.549	70,03
II	**Thu viện trợ**						
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**177.126**	**177.126**	**56.789**	**32,06**	**35.627**	**159,40**
1	**Từ các khoản thu phân chia**	**68.166**	**68.166**	**26.406**	**38,74**	**10.309**	**256,15**
2	**Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%**	**108.960**	**108.960**	**30.383**	**27,88**	**25.318**	**120,01**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2405 ngày 06 / 7 / 2023 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý 2/2023	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm huyện	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**628.753**	**628.753**	**301.816**	**48,00**	**299.173**	**100,88**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**628.753**	**628.753**	**301.816**	**48,00**	**299.173**	**100,88**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**103.104**	**103.104**	**59.301**	**57,52**	**76.952**	**77,06**
II	**Chi thường xuyên**	**513.321**	**513.321**	**242.515**	**47,24**	**222.221**	**109,13**
	Trong đó:						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.996	240.996	114.435	47,48	106.665	107,28
2	Chi khoa học và công nghệ					140	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5.661	5.661	5.661	100,00	5.497	
4	Chi văn hóa thông tin	4.012	4.012	1.951	48,63	1.753	111,29
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.129	1.129	150	13,29	193	77,72
6	Chi thể dục thể thao	618	618	261	42,23	290	90,00
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	2.000	435	21,75	873	
8	Chi hoạt động kinh tế	77.003	77.003	29.325	38,08	18.136	161,69
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	98.162	98.162	44.927	45,77	41.797	107,49
10	Chi bảo đảm xã hội	57.592	57.592	34.336	59,62	37.457	91,67
11	Chi trợ giá hàng chính sách						
12	Chi khác	3.607	3.607	1.408	39,04	1.293	108,89
III	**Dự phòng ngân sách**	**12.328**	**12.328**				
IV	**Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**						
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư						
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên						